

CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 726/QĐ-UBND, ngày 20 tháng 10 năm 2025 của UBND phường Mường Lay)

Đơn vị: Đồng

NỘI DUNG	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
TỔNG SỐ THU	156.086.000.000	TỔNG SỐ CHI	156.086.000.000
I. Các khoản thu phường hưởng 100%	578.000.000	I. Chi đầu tư phát triển	
Phí , lệ phí	46.000.000		
Lệ phí hộ tịch		II. Chi thường xuyên	152.927.000.000
Phí chứng thực			
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)		III. Dự phòng	3.159.000.000
III. Thu bổ sung	155.508.000.000		0
- Bổ sung cân đối	147.454.000.000		
- Bổ sung có mục tiêu	8.054.000.000		
IV. Thu chuyển nguồn			

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 726/QĐ-UBND, ngày 20 tháng 10 năm 2025
của Ủy ban nhân dân phường Mường Lay)

Đơn vị: Đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	
		THU NSNN	THU NSP
A	B	3	4
	TỔNG THU		156.086.000.000
I	Các khoản thu 100%		578.000.000
	Phí, lệ phí		46.000.000
	- Lệ phí hộ tịch		0
	- Phí chứng thực		0
	...		
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)		
1	Các khoản thu phân chia		
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định		
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)		
IV	Thu chuyển nguồn		0,0
V	Thu kết dư ngân sách năm trước		
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên		155.508.000.000
	- Thu bổ sung cân đối		147.454.000.000
	- Thu bổ sung có mục tiêu		8.054.000.000

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 726/QĐ-UBND, ngày 20 tháng 10 năm 2025
của Ủy ban nhân dân phường Mường Lay)

Đơn vị: Đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN/MTQG	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1=2+3	2	3
	TỔNG CHI	156.086.000.000	0	156.086.000.000
	Trong đó:			
1	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo	67.266.000.000		67.266.000.000
-	Sự nghiệp giáo dục	65.617.000.000		65.617.000.000
-	Sự nghiệp đào tạo	1.649.000.000		1.649.000.000
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ			
3	Chi quốc phòng	2.141.032.250		2.141.032.250
4	Chi an ninh	2.025.940.000		2.025.940.000
5	Chi y tế	180.000.000		180.000.000
6	Chi văn hóa, thông tin	8.462.833.000		8.462.833.000
7	Chi phát thanh, truyền thanh	6.706.866		6.706.866
8	Chi thể dục thể thao	10.000.000		10.000.000
9	Chi bảo vệ môi trường	3.098.000.000		3.098.000.000
10	Chi các hoạt động kinh tế	17.188.425.500		17.188.425.500
11	Chi hoạt động của cơ quan quản lý, Nhà nước, Đảng, Đoàn thể	43.482.866.680		43.482.866.680
12	Chi đảm bảo xã hội	7.427.236.200		7.427.236.200
13	Chi khác	1.637.019.504		1.637.019.504
14	Nguồn Cải cách tiền lương	940.000		940.000
15	Dự phòng ngân sách	3.159.000.000		3.159.000.000